TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ S, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu N Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thi
2. Bà Trần Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn, người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-ST ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân N, sinh năm 1983 **"**xin xét xử vắng mặt"

ĐKHKTT: Thôn Q, xã L, Hện Đ, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Tạ Đại G, sinh năm 1982 **"**xin xét xử vắng mặt"

ĐKHKTT: Khoa tên lửa, Học viện phòng không- không Q, xã S, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Vân N trình bày: Chị và anh Tạ Đại G kết hôn ngày 11/03/2009 tại UBND xã L, Hện Đ, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn chị sống tại thôn T, xã P, Hện Đ, TP. Hà Nội cùng gia đình nhà chồng. Đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Tình cảm đã rạn nứt từ lâu, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị N xác định tình cảm giữa chị và anh G không còn, không thể hàn gắn được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Đại G.

Về con chung: có 02 con chung là Tạ Đức H, sinh ngày 27/02/2011 và Tạ Minh Q, sinh ngày 23/12/2012. Chị và anh G thỏa thuận ly hôn chị sẽ trực tiếp nuôi con Tạ Minh Q, anh G trực tiếp nuôi con Tạ Đức H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình: Không có.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn anh Tạ Đại G trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Vân N có đăng ký kết hôn ngày 11/03/2009 tại UBND xã L, Hện Đ, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn chị N sống tại thôn T, xã P, Hện Đan Phượng, Hà Nội cùng gia đình nhà anh. Bản thân anh công tác tại N, R, tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 2013, anh cHển về công tác tại Khoa tên lửa, Học viện Phòng không- không Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh yêu thương nhau, anh sống có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Trong giai đoạn cuối năm 2015 đến đầu năm 2016, vợ chồng anh có mâu thuẫn nhỏ nhưng đã giải quyết và sống êm đềm, hạnh phúc. Đến tháng 01/2023, chị N cố tình gây ra bức xúc nhưng đã giải quyết, vợ chồng, con cái sống vui vẻ ăn Tết. Đến tháng 05/2023, chị N lại gây ra mâu thuẫn và đòi ly hôn. Đến ngày 14/6/2023, chị N đã bỏ đi khỏi nhà và sống ly thân, đơn phương gửi đơn lên tòa. Gia đình hai bên đã kHên bảo, đặc biệt bản thân anh đã cố gắng hết sức để giữ gìn hạnh phúc nhưng không biết vì lý do gì mà chị N cố tình đòi ly hôn. Hiện nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh, anh không đồng ý và mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: có 02 con chung là Tạ Đức H, sinh ngày 27/02/2011 và Tạ Minh Q, sinh ngày 23/12/2012. Bản thân anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì hai bên thỏa thuận chị N sẽ trực tiếp nuôi con Tạ Minh Q, anh trực tiếp nuôi con Tạ Đức H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình: Không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng dân sự: Giao thông báo thụ lý vụ án, lấy lời khai của đương sự, hòa giải, xác minh các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Đương sự thực hiện đúng quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân N. Chị Nguyễn Thị Vân N được ly hôn anh Tạ Đại G. Về con chung: có 02 con chung là Tạ Đức H, sinh ngày 27/02/2011 và Tạ Minh Q, sinh ngày 23/12/2012. Giao cháu Tạ Minh Q cho chị Nguyễn Thị Vân N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Tạ Đức H cho anh Tạ Đại G trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh, chị đều khai là không có. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân N phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng việc giao các văn bản tố tụng với đương sự. Thực hiện việc thông báo phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự. Tòa án mở phiên tòa ngày 18/01/2024, chị N có mặt, anh G vắng mặt lần 1 không có lý do. Tòa án hoãn phiên tòa ấn định ngày xét xử là ngày 30/01/2024, chị N, anh G đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án giải quyết căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân N và anh Tạ Đại G kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G là hợp pháp. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã P cho biết: Chị Nguyễn Thị Vân N và anh Tạ Đại G có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị N sinh sống tại thôn T, xã P, Hện Đan Phượng, Hà Nội. Anh G đi làm thỉnh thoảng mới về nhà. Quá trình sinh sống anh G, chị N có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại L, Đ, Hà Nội sinh sống. Ông Nguyễn Phi Bắc (bố đẻ chị N) cho biết: Quá trình chung sống chị N và anh G có phát sinh mâu thuẫn và chị N có bỏ về nhà đẻ 02 lần. Lần thứ nhất là vào năm 2017, ông đã kHên bảo con gái cố gắng bỏ qua những bất hòa để về lại nhà chồng chung sống. Lần thứ 2 vào mồng 6 Tết âm lịch năm 2022, chị N lại dọn hết đồ về nhà ông ở. Nhưng sau khi được ông và anh, chị kHên bảo thì chị N lại quay về cùng chồng xây dựng nhà cửa. Cuộc sống vợ chồng tiếp tục có những mâu thuẫn. Lần thứ 3 là ngày 14/6/2023, chị N và các con lại cHển đồ đạc về nhà ông ở cho đến nay. Chị N cũng có nói với ông đã chịu đựng cuộc sống chung nhiều mâu thuẫn và cảm thấy không thể chịu đựng được. Do vậy, chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh G, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Vân N được ly hôn với anh Tạ Đại G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh, Chị thống nhất xác định có 02 con chung là Tạ Đức H, sinh ngày 27/02/2011 và Tạ Minh Q, sinh ngày 23/12/2012. Hai bên thỏa thuận giao chị N trực tiếp nuôi con Tạ Minh Q, anh G trực tiếp nuôi con Tạ Đức H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh, Chị đều xác định là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công sức đóng góp: Hai bên đều thống nhất là không có.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành theo Nghị quyết

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân N. Chị Nguyễn Thị Vân N được ly hôn anh Tạ Đại G.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Tạ Đức H, sinh ngày 27/02/2011 và Tạ Minh Q, sinh ngày 23/12/2012. Giao chị N trực tiếp nuôi con Tạ Minh Q, anh G trực tiếp nuôi con Tạ Đức H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về công sức, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000779 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Vân N và anh Tạ Đại G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:**
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TX. S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TX. S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lưu N Hưng